

**PHỤ LỤC 1:****Chỉ tiêu cao điểm đẩy mạnh phát triển công dân số***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2565/KH-UBND ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)*

TT	Tên đơn vị	<b>Tổng số công dân từ 6 tuổi trở lên chưa có tài khoản định danh mức 2</b> <i>(Hoàn thành trước ngày 30/6/2026)</i>								
		Tổng hồ sơ thu nhận trung bình /01 ngày	<b>Trong đó công dân từ 6 đến 14</b> <i>(hoàn thành trước ngày 15/5/2026)</i>				<b>Trong đó công dân trên 14 tuổi</b> <i>(hoàn thành trước ngày 30/6/2026)</i>			
			Tổng	Chưa cấp CC, chưa cấp định danh	Đã cấp CC, chưa cấp định danh	Tổng hồ sơ thu nhận trung bình/01 ngày	Tổng	Chưa cấp CC, chưa cấp định danh	Đã cấp CC, chưa cấp định danh	Tổng hồ sơ thu nhận trung bình /01 ngày
1	Xã Mường Mỏ	71	1529	272	1257	48	1862	84	1778	24
2	Xã Mường Kim	157	3172	260	2912	99	4583	102	4481	58
3	Xã Nậm Sò	94	1862	1040	822	58	2864	249	2615	36
4	Xã Mường Than	100	2125	114	2011	66	2653	59	2594	34
5	Xã Tà Tổng	100	2092	667	1425	65	2766	431	2335	35
6	Xã Bum Nưa	64	1213	187	1026	38	2060	132	1928	26
7	Xã Tủa Sín Chải	175	3562	673	2889	111	5012	651	4361	63
8	Phường Tân Phong	238	5940	1106	4834	186	4171	320	3851	53
9	Xã Tà Lèng	109	2305	387	1918	72	2921	93	2828	37
10	Xã Mù Cạ	35	603	95	508	19	1277	58	1219	16
11	Xã Bình Lư	134	3041	316	2725	95	3090	159	2931	39
12	Xã Hua Bum	53	1047	140	907	33	1563	63	1500	20
13	Xã Bản Bo	76	1538	107	1431	48	2217	82	2135	28
14	Xã Không Lào	152	2868	832	2036	90	4906	321	4585	62
15	Xã Pa Ủ	85	1551	1070	481	48	2864	749	2115	36
16	Xã Than Uyên	169	3929	122	3807	123	3624	50	3574	46
17	Xã Phong Thổ	200	4195	958	3237	131	5482	155	5327	69
18	Xã Đào San	164	3369	2200	1169	105	4632	514	4118	59
19	Xã Khun Há	77	1666	149	1517	52	1989	31	1958	25
20	Xã Sì Lờ Lầu	153	2991	2109	882	93	4709	750	3959	60
21	Xã Bum Tờ	97	1930	505	1425	60	2869	190	2679	36
22	Xã Sìn Hồ	105	2478	278	2200	77	2207	159	2048	28
23	Xã Nậm Tăm	99	2004	145	1859	63	2890	153	2737	37
24	Xã Pu Sam Cáp	97	2129	116	2013	67	2370	112	2258	30
25	Xã Mường Tè	55	1201	244	957	38	1395	95	1300	18
26	Xã Pa Tần	85	1864	220	1644	58	2112	85	2027	27
27	Xã Nậm Cuối	88	1814	152	1662	57	2454	169	2285	31
28	Xã Thu Lùm	45	891	149	742	28	1351	114	1237	17
29	Xã Mường Khoa	111	2155	514	1641	67	3447	169	3278	44
30	Xã Lê Lợi	75	1609	87	1522	50	1955	71	1884	25
31	Phường Đoàn Kết	144	3564	705	2859	111	2569	233	2336	33
32	Xã Nậm Hàng	97	2181	128	2053	68	2309	42	2267	29
33	Xã Khoen On	90	1685	175	1510	53	2956	111	2845	37
34	Xã Sìn Suối Hồ	149	2957	1110	1847	92	4478	448	4030	57
35	Xã Hồng Thu	129	2772	314	2458	87	3337	164	3173	42
36	Xã Tân Uyên	235	5008	1201	3807	157	6226	315	5911	79
37	Xã Nậm Mạ	56	974	98	876	30	1982	145	1837	25
38	Xã Pác Ta	92	1788	838	950	56	2858	223	2635	36
	<b>Tổng</b>	<b>4256</b>	<b>89602</b>	<b>19783</b>	<b>69819</b>	<b>2800</b>	<b>115010</b>	<b>8051</b>	<b>106959</b>	<b>1456</b>

**PHỤ LỤC 2:**

**Các chỉ tiêu tích hợp giấy tờ đầy mạnh phát triển công dân số**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 2565/KH-UBND ngày 09/4/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)*

TT	Đơn vị	Tổng số dân cư trú chia theo độ tuổi			Các tiện ích trên VNeID đã thực hiện (đã tích hợp)			CHỈ TIÊU tích hợp các loại giấy tờ trên VNeID (Công dân trên 6 tuổi, Chưa tích hợp)				
					ASXH đã tích hợp	BHXH đã tích hợp	BHYT đã tích hợp	ASXH Chưa tích hợp	BHXH Chưa tích hợp	BHYT Chưa tích hợp	Giấy phép lái xe chưa tích hợp	Đăng ký xe chưa tích hợp
		Tổng số	Từ 6 đến 14 tuổi	Trên 14t tuổi								
1	Xã Mường Mô	7373	1529	4778	282	214	839	6025	6093	5468	2102	2494
2	Xã Mường Kim	20583	3176	15356	1145	703	4516	17387	17829	14016	7197	8926
3	Xã Nậm Sỏ	10699	1862	7497	263	164	759	9096	9195	8600	3361	3791
4	Xã Mường Than	14089	2128	10526	911	695	3179	11743	11959	9475	5135	6340
5	Xã Tà Tổng	8426	2092	4982	140	75	365	6934	6999	6709	1311	1426
6	Xã Bum Nưa	7246	1214	5151	267	181	945	6098	6184	5420	1534	1962
7	Xã Tủa Sín Chải	16544	3562	10735	395	224	604	13902	14073	13693	3952	4356
8	Phường Tân Phong	36762	5946	25062	4571	5140	13057	26437	25868	17951	9662	16982
9	Xã Tả Lèng	12875	2305	9240	491	328	2444	11054	11217	9101	4332	5419
10	Xã Mù Cạ	3233	603	2249	129	97	278	2723	2755	2574	524	614
11	Xã Bình Lư	18540	3041	13168	1472	1086	4702	14737	15123	11507	6176	8708
12	Xã Hua Bum	5853	1047	4049	246	157	710	4850	4939	4386	1516	1731
13	Xã Bản Bo	9563	1538	7036	334	219	1633	8240	8355	6941	3467	4144
14	Xã Khổng Lào	17128	2868	12703	667	397	1973	14904	15174	13598	4558	5549
15	Xã Pa Ủ	6439	1551	4089	118	117	312	5522	5523	5328	507	573
16	Xã Than Uyên	27425	3946	20491	3117	3056	9514	21320	21381	14923	9546	13766
17	Xã Phong Thổ	23732	4196	17043	1554	1747	4612	19685	19492	16627	6722	9207
18	Xã Đào San	16713	3369	10790	384	368	1054	13775	13791	13105	4403	4960
19	Xã Khun Há	9516	1666	6559	344	138	1766	7881	8087	6459	3165	3971
20	Xã Si Lờ Lầu	16601	2991	11537	476	398	1669	14052	14130	12859	4657	5176
21	Xã Bum Tờ	11608	1930	7922	706	797	2337	9146	9055	7515	2305	3300
22	Xã Sìn Hồ	13997	2478	9769	915	636	1543	11332	11611	10704	4705	5789
23	Xã Nậm Tăm	12829	2004	9487	780	385	1139	10711	11106	10352	4062	4733
24	Xã Pu Sam Cáp	11727	2129	8435	435	197	740	10129	10367	9824	4009	4396
25	Xã Mường Tè	6450	1202	4543	347	215	1028	5398	5530	4717	1574	1925
26	Xã Pa Tần	9151	1864	6042	344	278	1172	7562	7628	6734	2475	2917
27	Xã Nậm Cuối	11131	1815	8266	511	295	1622	9570	9786	8459	3671	4232

28	Xã Thu Lũm	5483	891	3908	223	155	631	4576	4644	4168	1013	1173
29	Xã Mường Khoa	12864	2155	9317	463	316	1140	11009	11156	10332	3830	4821
30	Xã Lê Lợi	9187	1609	6368	423	267	1071	7554	7710	6906	2930	3376
31	Phường Đoàn Kết	23270	3564	16095	2589	2761	8235	17070	16898	11424	6846	11291
32	Xã Nậm Hàng	11145	2181	7051	606	539	1509	8626	8693	7723	3426	4066
33	Xã Khoen On	10851	1685	8127	500	190	1692	9312	9622	8120	3567	4087
34	Xã Sin Suối Hồ	16677	2957	11938	583	354	2129	14312	14541	12766	4757	5687
35	Xã Hồng Thu	13786	2772	9156	381	248	623	11547	11680	11305	3737	4146
36	Xã Tân Uyên	30618	5009	22163	2111	2176	5173	25061	24996	21999	10631	13861
37	Xã Nậm Mạ	6590	975	4955	290	211	460	5640	5719	5470	1669	1926
38	Xã Pắc Ta	10777	1788	7723	400	309	787	9111	9202	8724	3219	3782
	<b>Tổng</b>	<b>517481</b>	<b>89638</b>	<b>364306</b>	<b>29913</b>	<b>25833</b>	<b>87962</b>	<b>424031</b>	<b>428111</b>	<b>365982</b>	<b>152253</b>	<b>195603</b>